

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST  
Ngày: 27/9/2025  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín  
dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Thu Hiền;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Anh Văn và ông Phạm Hoàn Thiện;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Rum Ba - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13- Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Tuyết Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 –Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 05 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025; và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-DS ngày 15/9/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q (viết tắt V1).

Địa chỉ: A P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Q

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thế D, sinh năm 2001; Phan Quang T, sinh năm 1996; Nguyễn Minh T1, sinh năm 1987 – Đều là nhân viên ngân hàng (theo giấy ủy quyền số 062254.25 ngày 12/3/2025; quyết định ủy quyền số 123037.25 ngày 02/01/2025).

Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà P - B U, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Ông D, ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, Ông T1 Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Bà Lương Thị Bích T2, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Bị đơn Lương Thị Bích T2 trước đây là cán bộ tín dụng của ngân hàng TMCP Q chi nhánh tại Đà Nẵng, có vay hợp đồng tín dụng của ngân hàng số: 7652139.23 ngày 10/10/2023, số tiền vay 950.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 5%/năm (thời hạn 01 năm) hết thời hạn 01 năm sẽ điều chỉnh thành 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%lãi suất trong hạn, lãi phạm chậm trả 10%, vay không có thế chấp.

Ngoài ra, bị đơn có vay thẻ tín dụng hợp đồng số 03148097 ngày 14/12/2021, số tiền vay 40.000.000 đồng, quá trình sử dụng tháng 08/2022 nâng hạn mức lần 1 lên 60.000.000 đồng, tháng 11/2023 nâng hạn mức lần 2 lên 88.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng vốn vay, bị đơn đã thực hiện trả nợ đến ngày 31/8/2024 thì trả nợ gốc lãi kỳ cuối, sau đó không phát sinh trả nợ định kỳ hàng tháng nữa. Tổng cộng bị đơn đã trả được 378.626.051 đồng, trong đó 301.872.825 đồng tiền gốc và 76.753.226 đồng tiền lãi. Tính đến ngày khởi kiện 17/3/2025 bị đơn còn nợ của ngân hàng với số tiền 891.116.107 đồng, trong đó nợ gốc 849.499.165 đồng, lãi trong hạn 33.626.990 đồng, lãi quá hạn 6.065.679 đồng, phí 1.924.273 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện toàn bộ trả nợ toàn bộ khoản vay, vì đã vi phạm hợp đồng.

Bị đơn Lương Thị Bích T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không đến Tòa để tham gia tố tụng. Tại biên bản làm việc ngày 21/8/2025 thì ông Lương Văn M, sinh năm 1970 địa chỉ: Thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk (cha ruột) Lương Thị Bích T2 trình bày: Trâm làm ăn thất bại, nên nợ nần nhiều nơi, gia đình có nhận giấy triệu tập của Tòa án và đã thông báo việc ngân hàng TMCP Q khởi kiện cho T2 biết nhưng T2 có đến Tòa không thì ông không biết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa nhưng bị đơn vắng mặt không tiến hành hòa giải được.

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T2 trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 27/9/2025 là 962.274.906 đồng và lãi phát sinh tiếp theo, trong đó:

Thẻ tín dụng: tổng cộng 128.170.664 đồng (gốc 89.505.181 đồng, lãi 24.935.052 đồng, phí 13.730.431 đồng)

Hợp đồng tín dụng: tổng cộng 834.104.242 đồng (gốc 759.992.000 đồng, lãi 72.038.834 đồng, chậm trả 2.073.408 đồng).

Bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán,

Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đều tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật, riêng bị đơn chấp hành không đúng;

Về đề xuất giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng N số tiền là 962.274.906 đồng, tính đến ngày xét xử 27/9/2025 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng V1 khởi kiện hợp đồng tín dụng với bị đơn Lương Thị Bích T2 có địa chỉ tại huyện P, tỉnh Phú Yên cũ nay là xã P, tỉnh Đắk Lắk. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Đắk Lắk theo quy định tại Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 và Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án căn cứ theo Điều 227, 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu khởi kiện trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn, hội đồng xét xử thấy rằng:

Giữa ngân hàng V1 và bị đơn Lương Thị Bích T2 có tự nguyện giao kết với nhau bằng hợp đồng tín dụng số: 7652139.23 ngày 10/10/2023, vay vốn số tiền 950.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 5%/năm trong hạn 12 tháng và điều chỉnh lên 9%/năm cố định thời gian tiếp theo, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả 10%/năm. Hợp đồng vay không có thế chấp.

Bà T2 tại thời điểm vay vốn là nhân viên của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q – Chi nhánh Đ nên được hưởng các lãi suất ưu đãi của nhân viên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 17/3/2025 bà T2 đã trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền 378.626.051 đồng (trong đó nợ gốc 301.872.825 đồng, nợ lãi 76.753.226 đồng).

Đến ngày 27/10/2024 bị đơn không thực hiện các nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo như hợp đồng tín dụng đã giao kết là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, từ ngày 27/4/2025 ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn theo như Điều 3.3 Điều khoản điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng có nội dung thỏa thuận “*trường hợp bên cấp tín dụng không thanh toán bất kỳ số nợ gốc nào phải trả vào ngày đến hạn theo tài liệu vay vốn...thì VIB có quyền chuyển số dư nợ gốc sang nợ quá hạn và thực hiện ngay các biện pháp thu hồi nợ*”.

Ngoài ra, bà T2 còn vay khoản thẻ tín dụng quốc tế vào ngày 14/12/2021 với số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất áp dụng theo thời kỳ theo quy định tại biểu phí dịch vụ VIB 11/8/2021. Tính đến tháng 8/2022 được nâng hạn mức lên lần 01 là 60.000.000 đồng, tính đến tháng 11/2023 thì được nâng hạn mức lần 02 là 88.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng đều thông báo tin nhắn đến khách hàng. Bị đơn không thực hiện các nghĩa vụ thanh toán gốc lãi hàng tháng là vi phạm quy định của ngân hàng như hai bên đã thỏa thuận.

Bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng, trong đó việc tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 100, 102, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội với số tiền 40.868.000 đồng.

[4] Đối với các đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, 228, Điều 273 BLTTDS; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010.

Căn cứ vào các Điều 100, 103, 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần Q về việc yêu cầu bà Lương Thị Bích T2 phải thực hiện hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Lương Thị Bích T2 phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 962.274.906 đồng (*Chín trăm sáu mươi hai triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm lẻ sáu đồng*) cho ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, cụ thể:

Thẻ tín dụng: Tổng cộng 128.170.664 đồng (gốc 89.505.181 đồng, lãi 24.935.052 đồng, phí 13.730.431 đồng)

Hợp đồng tín dụng: tổng cộng 834.104.242 đồng (gốc 759.992.000 đồng, lãi 72.038.834 đồng, chậm trả 2.073.408 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2025) bà Lương Thị Bích T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Về án phí: Bị đơn Lương Thị Bích T2 phải chịu 40.868.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho N1 số tiền 19.366.000 đồng (Mười chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng chẵn) đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 005290 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13- Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 13-Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 13-Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thu Hiền**